

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực kho bạc nhà nước theo quy định tại Nghị định số
192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 192/2013/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí (gọi chung là đơn vị dự toán); các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn

trái phiếu Chính phủ (gọi chung là chủ đầu tư).

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước.

3. Tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc xác định hình thức xử phạt và mức phạt tiền

1. Đối với những hành vi vi phạm vừa có thể áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo, vừa có thể áp dụng hình thức phạt tiền, thì hình thức xử phạt cảnh cáo được áp dụng đối với vi phạm lần đầu và không có tình tiết tăng nặng.

Trường hợp không thuộc đối tượng được áp dụng hình thức phạt cảnh cáo nêu trên, thì áp dụng hình thức phạt tiền.

2. Đối với những hành vi chỉ quy định hình thức phạt tiền hoặc không đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo, mức phạt tiền cụ thể được xác định như sau:

a) Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung hình phạt và mức tối thiểu của khung hình phạt.

b) Cứ một tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng, thì mức tiền phạt được giảm hoặc tăng 20% so với mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó, nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu và không được cao hơn mức tối đa của khung hình phạt đó.

c) Khi xác định mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng, thì xem xét giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc có một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm trừ, nếu còn tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì áp dụng theo quy định tại điểm b Khoản này.

3. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước không được sử dụng tiền ngân sách nhà nước hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để nộp phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra. Sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý, bao gồm cả việc nộp lại khoản tiền phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra tương ứng với mức độ vi phạm của cá nhân đó.

Điều 4. Lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước quy định tại Điều 53, Điều 54 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP; công chức Kho bạc Nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP phải kịp thời lập biên bản vi

phạm hành chính.

2. Biên bản phải được lập theo đúng quy định tại Mẫu Biên bản số 01 kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2013/NĐ-CP).

Chương II

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Điều 5. Hành vi vi phạm quy định khoản chi ngân sách nhà nước phải có trong dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định khoản chi ngân sách nhà nước phải có trong dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Các hành vi vi phạm trong chi thường xuyên của ngân sách nhà nước bị xử phạt theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Chi vượt dự toán được cấp có thẩm quyền giao;
- b) Chi sai dự toán được cấp có thẩm quyền giao: chi sai nguồn dự toán (dùng nguồn kinh phí này chi cho nội dung thuộc nguồn kinh phí khác); chi sai mục đích, đối tượng, nội dung so với dự toán được giao;
- c) Các trường hợp chi sai dự toán khác.

2. Các hành vi vi phạm trong chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc các trường hợp chỉ định thầu, tự thực hiện, các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng bị xử phạt theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Chi cho những nội dung, công việc không có trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Chi vượt kế hoạch vốn năm được cấp có thẩm quyền giao;
- c) Chi vượt dự toán của các khoản chi phí được phê duyệt (đối với các công việc không thông qua hợp đồng);
- d) Chi sai nguồn vốn đầu tư, chi sai danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các hành vi vi phạm trong chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư bị xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Chi thanh toán cho khối lượng công việc chưa thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang, chưa đủ điều kiện thanh toán;

b) Chi thanh toán vượt giá trị hợp đồng hoặc phụ lục điều chỉnh hợp đồng; chỉ cho những nội dung, công việc không có trong hợp đồng hoặc phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP được áp dụng đối với hành vi vi phạm bị phát hiện sau khi Kho bạc Nhà nước đã thực hiện thanh toán, chi trả.

Điều 6. Hành vi chi ngân sách nhà nước sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định

Việc xử phạt hành vi chi ngân sách nhà nước sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi chi ngân sách nhà nước sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định là hành vi chi ngân sách nhà nước không đúng tiêu chuẩn (không đúng tiêu chuẩn về chức danh, đối tượng sử dụng), chi vượt định mức chi (vượt về số lượng, vượt về giá trị), chi sai chế độ (chi không đảm bảo điều kiện, nguyên tắc của chế độ chi).

Trường hợp tổ chức có hành vi mua sắm hoặc thuê tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP được áp dụng đối với hành vi vi phạm bị phát hiện sau khi Kho bạc Nhà nước đã thực hiện thanh toán, chi trả.

Điều 7. Hành vi lập hồ sơ, chứng từ giả mạo để chi ngân sách nhà nước

Việc xử phạt hành vi lập hồ sơ, chứng từ giả mạo để chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi lập hồ sơ, chứng từ giả mạo để chi ngân sách nhà nước bao gồm một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng con dấu giả hoặc giả chữ ký của người có thẩm quyền ký; sửa đổi trái phép nội dung hoặc số tiền trên hồ sơ, chứng từ chi ngân sách nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước;

b) Làm giả các loại hồ sơ, chứng từ có liên quan (hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hoá đơn thu tiền và các tài liệu khác liên quan đến khoản chi) gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị chi ngân sách nhà nước.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP được áp dụng đối với hành vi vi phạm bị phát hiện sau khi Kho bạc Nhà nước đã thực hiện thanh toán, chi trả.

Điều 8. Hành vi vi phạm chế độ thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước

1. Việc xử phạt hành vi vi phạm chế độ thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

2. Hành vi lập hồ sơ, chứng từ đề nghị thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước không phù hợp với các điều khoản thanh toán đã được quy định trong hợp đồng hoặc phụ lục điều chỉnh hợp đồng giữa đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư với nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ (hợp đồng, phụ lục điều chỉnh hợp đồng phải đảm bảo không trái với các quy định hiện hành về thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước) quy định tại Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP, bao gồm một trong các hành vi sau đây:

- a) Sai về giá trị hợp đồng ;
- b) Sai thời hạn thanh toán;
- c) Sai phương thức thanh toán;
- d) Sai tỷ lệ thanh toán (bao gồm cả thanh toán tạm ứng);
- e) Sai các điều khoản thanh toán khác quy định trong hợp đồng và phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

Điều 9. Hành vi vi phạm thủ tục kiểm soát cam kết chi

1. Hành vi không làm thủ tục kiểm soát cam kết chi theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là hành vi không gửi hoặc gửi đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước chậm quá thời hạn theo quy định tại Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Khi phát hiện đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư không làm thủ tục cam kết chi ngân sách nhà nước đối với các khoản chi thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi theo quy định, người có thẩm quyền xử phạt áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc đơn vị phải làm thủ tục cam kết chi trước khi đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán, chi trả ngân sách nhà nước.

Điều 10. Hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng ngân sách nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

- 1. Hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng chi thường xuyên, bao gồm:
 - a) Hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP: Thanh toán tạm ứng chi thường xuyên các khoản chi không có hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ sau thời hạn cuối cùng

phải thực hiện thanh toán tạm ứng theo chế độ quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có (sau đây gọi tắt là Thông tư số 161/2012/TT-BTC);

b) Hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP: Không thanh toán hết tạm ứng trong lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng đối với các khoản chi thường xuyên, có hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC.

2. Hành vi vi phạm thời hạn thanh toán tạm ứng chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư bao gồm:

a) Hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP: Không thanh toán tạm ứng chi đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chi sự nghiệp có tính chất đầu tư trong lần đề nghị thanh toán đầu tiên theo chế độ quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có (sau đây gọi tắt là Thông tư số 86/2011/TT-BTC);

b) Hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP: Không thanh toán hết tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC;

c) Hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP: Thanh toán tạm ứng chi bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư sau quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải làm thủ tục thanh toán tạm ứng được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Hành vi vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 10 và khoản chi đó đã hoàn thành, có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán, còn trong thời hạn chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế nếu có (sau đây gọi tắt là Thông tư số 108/2008/TT-BTC);

- Hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b và c Khoản 2 Điều 10.

b) Biện pháp khắc phục hậu quả buộc thu hồi tạm ứng chi ngân sách nhà nước được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Hành vi vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 10 và khoản chi đó đã hết thời hạn chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 108/2008/TT-BTC;

- Hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10.

Điều 11. Báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt

Trường hợp hành vi vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì phải báo cáo cấp trên có thẩm quyền ra quyết định xử phạt, cụ thể:

1. Trường hợp người lập biên bản là công chức được giao nhiệm vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đang thực thi nhiệm vụ phải kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị để lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp lãnh đạo đơn vị không có thẩm quyền xử phạt, thì chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản, đơn vị phải báo cáo Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các đơn vị Kho bạc Nhà nước thuộc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) hoặc báo cáo Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước (đối với Sở Giao dịch Kho bạc nhà nước) kèm theo biên bản và toàn bộ hồ sơ, chứng từ có liên quan (bản photocopy).

2. Trường hợp người lập biên bản là công chức thanh tra chuyên ngành, đoàn thanh tra chuyên ngành, thì tùy vào mức độ hành vi vi phạm và thẩm quyền xử phạt để tiến hành ra quyết định xử phạt tại chỗ hoặc theo thời hạn quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của công chức thanh tra chuyên ngành, thì chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản gửi biên bản và toàn bộ hồ sơ, chứng từ có liên quan (bản photocopy) báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt:

a) Công chức thanh tra chuyên ngành thuộc Kho bạc Nhà nước báo cáo Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

b) Công chức thanh tra chuyên ngành thuộc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 12. Quy định về lập hồ sơ và chế độ báo cáo

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải được lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm: Biên bản vi phạm hành chính; quyết định xử phạt; các tài liệu, giấy tờ có liên quan, được đánh bút lục và được lưu giữ theo quy định.

2. Báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện định kỳ 6 tháng và hàng năm; cụ thể:

a) Nội dung của báo cáo:

- Nhận xét, đánh giá chung về tình hình vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước;

- Số vụ vi phạm bị phát hiện, xử lý; đối tượng vi phạm; việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; các loại hành vi vi phạm phổ biến;

- Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Tổng số tiền phạt thu được; số lượng quyết định xử phạt chưa được thi hành; số quyết định hoãn, giảm, miễn thi hành phạt tiền; số vụ bị cưỡng chế thi hành; số vụ bị khiếu nại, khởi kiện;

- Số hồ sơ có dấu hiệu tội phạm được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính; kiến nghị, đề xuất.

Ngoài báo cáo bằng văn bản, tổng hợp số liệu tình hình xử phạt vi phạm hành chính theo Mẫu báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính đính kèm theo Thông tư này.

b) Thời kỳ báo cáo:

Đối với báo cáo định kỳ 6 tháng thì số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau; đối với báo cáo hàng năm thì số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

c) Đơn vị báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước trên địa bàn thuộc thẩm quyền của công chức thanh tra chuyên ngành thuộc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước tổng hợp tình hình xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước trên phạm vi toàn quốc báo cáo Bộ Tài chính.

d) Thời hạn báo cáo: Báo cáo 6 tháng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Kho bạc Nhà nước trước ngày 5 tháng 4 năm báo cáo; Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 4 năm báo cáo. Báo cáo năm, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Kho bạc Nhà nước trước 5 tháng 10 năm báo cáo, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 10 năm báo cáo.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Các đơn vị Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ trong việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các cơ quan chức năng của Nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kho bạc nhà nước có trách nhiệm chuyển hồ sơ hoặc thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP để xem xét, xử lý theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TƯ Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ,
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN. 320 b

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kỳ báo cáo 6 tháng, 1 năm)

STT	Quyết định xử phạt VPHC					Chuyển hồ sơ truy cứu trách nhiệm hình sự	Kết quả thi hành quyết định xử phạt			
	Số QĐ xử phạt	Đối tượng VPHC	Hành vi VPHC	Các hình thức xử phạt	Biện pháp khắc phục hậu quả		Quyết định được thi hành		Số QĐ hoãn, giảm, miễn thi hành (nếu có)	QĐ xử phạt chưa được thi hành
							Tình trạng thi hành	Tổng số tiền thu được (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

(2) Ghi rõ số Quyết định xử phạt VPHC và ngày tháng năm ra Quyết định.

(3) Ghi rõ Tên đơn vị thực hiện hành vi VPHC

(4) Ghi điểm, khoản, Điều của Nghị định, Thông tư mà hành vi vi phạm.

(5) ghi rõ hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, trường hợp phạt tiền thì ghi rõ số tiền phạt

(6) Ghi rõ các biện pháp khắc phục hậu quả, trường hợp, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thu hồi số tiền đã vi phạm thì ghi rõ số tiền.

(7) Đánh ký hiệu (X) đối với hồ sơ có dấu hiệu tội phạm được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự.

(8) Đánh ký hiệu (X) trong trường hợp Quyết định xử phạt được thi hành

(9) Tổng số tiền thu được tính đến thời điểm báo cáo (nếu có)

(11) Đánh ký hiệu (X) trong trường hợp Quyết định xử phạt chưa được thi hành

..., Ngày....tháng....năm..

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)